

Số: 114/2021/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 271/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “*Hôn nhân và gia đình*” giữa các đương sự;

* Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Thu H** - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu 3, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ

* Bị đơn: Anh **Bùi Đức T** - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu 13, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Phú Thọ - Phòng Giao dịch Thanh Ba (địa chỉ: khu 6, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba) do ông **Nguyễn Khắc T** - Giám đốc Phòng giao dịch đại diện theo ủy quyền

2. Bà **Đào Thị C** - Sinh năm 1977

Nơi cư trú: Khu 3, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ

3. Chị **Bùi Thị Thu H** - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu 6, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

4. Bà **Nguyễn Thị N** - Sinh năm 1952

Nơi cư trú: Khu 13, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào “*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành*” ngày 22 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong “*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải*” thành ngày 22 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đào Thị Thu H** và anh **Bùi Đức T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về **nuôi con chung sau ly hôn**: Chị **Đào Thị Thu H** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là **Bùi Phụng V**; sinh ngày 21/4/2015 và **Bùi Gia L**; sinh ngày 23/9/2018 (cả 02 con chung hiện đều đang ở cùng với chị H tại khu 2, xã N, huyện Thanh Ba). Anh **Bùi Đức T** không phải cấp dưỡng nuôi chung con sau

ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản:

- Anh Bùi Đức T được quyền sở hữu và sử dụng tài sản chung là: Thửa đất số 199, tờ bản đồ số 24 (YN), diện tích 611,3 m² cùng toàn bộ các tài sản gắn liền với đất ở tại khu 13 xã H, huyện T, đã được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CX 319653 ngày 24/8/2020 đứng tên Đào Thị Thu H và Bùi Đức T. Thửa đất này hiện nay anh T đang quản lý sử dụng, còn GCNQSDĐ đang do chị H quản lý và chị H sẽ có trách nhiệm giao lại cho anh T.

- Chị Đào Thị Thu H được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ các tài sản còn lại gồm;

+ Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 18(TX), diện tích 2001,3 m² (loại đất rừng sản xuất) và toàn bộ cây tràm đang trồng trên đất ở tại khu 7, xã H, huyện T đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ số CX 352920 ngày 18/01/2021 đứng tên Đào Thị Thu H và Bùi Đức T.

+ Thửa đất số 518, tờ bản đồ số 18, diện tích 5950,5 m² (loại đất trồng rừng sản xuất) và toàn bộ cây tràm đang trồng trên đất ở tại khu 7, xã H, huyện T đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ số CR 692100 đứng tên Đào Thị Thu H và Bùi Đức T.

+ Thửa đất số 684, tờ bản đồ số 47, diện tích 210,0 m² (loại đất ở tại nông thôn), trên đất không có tài sản ở tại khu 4, xã N, huyện T đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ đất số CX 319406 ngày 27/7/2020, đứng tên Đào Thị Thu H và Bùi Đức T.

(Các GCNQSDĐ hiện đều đang do chị H quản lý)

+ Thửa đất số 01b, tờ bản đồ số 39, diện tích 196,0 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (nhà xây cấp 3 hai tầng, mái tôn phía trước và sau) ở tại khu 2, xã N, huyện T, đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ số BĐ 209652 ngày 24/01/2011 đứng tên Đào Xuân T (trong GCNQSDĐ thể hiện đã tặng cho chị Đào Thị Thu H ngày 24/4/2020 và thửa đất này hiện đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Bưu điện L - Phòng Giao dịch Thanh Ba, GCNQSDĐ do Ngân hàng đang quản lý) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 3 hai tầng, mái tôn chống nóng, mái tôn phía trước và sau nhà, hiện đang sử dụng để ở và kinh doanh dịch vụ Spa và Matsage (cơ sở 1) cùng toàn bộ các thiết bị, nguyên vật liệu của dịch vụ Spa Matsage và các đồ dùng sinh hoạt khác trong nhà.

+ Toàn bộ thiết bị, nguyên vật liệu của Cơ sở Spa (Cơ sở 2) ở tại khu 11, thị trấn T, huyện T, địa điểm thuê của ông Nguyễn Văn T.

(Toàn bộ các tài sản trên hiện đang do chị H quản lý).

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Chị Đào Thị Thu H có nghĩa vụ trả các khoản nợ gồm:
 - + Trả Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Phú Thọ - Phòng Giao dịch Thanh Ba 1.500.000.000 đồng tiền gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng;
 - + Trả cho chị Đào Thị C số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận;
 - + Trả cho chị Bùi Thị Thu H số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận
 - + Trả cho bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh T) số tiền 90.000.000 đồng.
- Anh Bùi Đức T có nghĩa vụ trả khoản nợ: Trả cho bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh) số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án, kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí: Chị Đào Thị Thu H nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000.đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số: AA/2020/0001625 ngày 30 tháng 12 năm 2020. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 150.000.đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, **7a**, **7b** và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã H. h, T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Tuấn

